

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

TT	Nội dung đã ban hành hiện hành	Nội dung : Thêm/bớt/sửa	Lí do/Căn cứ để sửa
1	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Căn cứ theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Container Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400424349 do Sở KH-ĐT thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 13/6/2002, thay đổi lần thứ 4 chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 12/11/2015, thông qua nghị quyết số 01/2018/NQ-DHĐCD của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ II 2018-2021 tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2018. 	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Căn cứ theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành; - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành; - Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; - Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Container Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400424349 do Sở KH-ĐT thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 13/06/2002, thông qua nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCD của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng 4 năm 2021. 	
2	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và quy định tại Khoản 1, Điều 6 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua do các cổ đông góp bằng phương thức mua cổ phần và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều chỉnh, bổ sung thuật ngữ phù hợp với Điều 4 - Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 4 Luật</p>



	<p>c. "Điều lệ" hoặc "Điều lệ công ty" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Container Miền Trung.</p> <p>e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>f. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>g. "Cổ đông" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.</p> <p>h. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông góp vốn cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký kết vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.</p> <p>i. "Người điều hành" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>j. "Người có liên quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Chứng khoán 2019; Thông tur116/2020/TT- BTC;</p> <p>c. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ Công ty cổ phần Container Miền Trung.</p> <p>e. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>f. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>g. "Cổ đông" là thể nhân hoặc pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.</p> <p>h. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.</p> <p>i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo qui định của Điều lệ Công ty.</p> <p>j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>k. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông của Công ty uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>l. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>m. "Cổ phiếu" có nghĩa là Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông;</p>
3	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty</p>

4	<p>Điều 4. Thời gian hoạt động</p> <p>Thời gian hoạt động của Công ty là vô hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo điều 58 của Điều lệ này.</p>	<p>Website : http://viconshipdanang.com/</p> <p>Điều 4. Thời gian hoạt động</p> <p>Thời gian hoạt động của Công ty là vô hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo điều 53 của Điều lệ này.</p>	
5	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>3. Vốn điều lệ của Công ty được hình thành từ việc các cổ đông góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hay các hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các cổ đông tự nguyện góp cổ phần vào Công ty</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>Bãi bỏ</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>Phù hợp các điều khoản của Điều lệ mẫu tại Thông tư 16/2020/TT-BTC;</p>

	<p>8. Việc giám vốn Điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Bãi bỏ</p> <p>8. Tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong vốn điều lệ là mức cao nhất mà pháp luật cho phép theo các ngành nghề kinh doanh Công ty đang hoạt động.</p>	
6	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà có đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>e. Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>f. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</p> <p>g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>h. Các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Thông tư 116/2020/TT-BTC;</p>

		<p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
7	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng từ ngày Công ty có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.</p>	<p>Phù hợp với Điều 127 Luật Doanh nghiệp</p>
8	<p>Điều 10. Trái phiếu công ty</p> <p>1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, Công ty có thể phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 127 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>3. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là loại trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty khi Công ty có nhu cầu phát hành thêm cổ phần hoặc tăng</p>	<p>Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chúng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC;</p>

	<p>vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>4. Khi công ty phát hành thêm cổ phần mới, quyền ưu tiên được mua cổ phần của chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi chỉ sau các cổ đông của Công ty.</p> <p>5. Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Chứng chỉ trái phiếu được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>		
9	<p>Điều 11. Niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán</p> <p>1. Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.</p>	<p>Bãi bỏ, không cần thiết phải đề trong Điều lệ Công ty, tinh giảm cho phù hợp Điều lệ mẫu của Thông tư 116</p>	
10	<p>Điều 13. Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc của Công ty</p> <p>1. Các đơn vị phụ thuộc của Công ty (được gọi tắt là đơn vị) được thành lập có bộ máy tinh gọn, hiệu quả gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, các phòng ban chức năng, tổ đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất và nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phải tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Hàng năm các đơn vị phải chủ động tìm kiếm việc làm đồng thời được Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế bắt buộc phù hợp với nguồn lực và khả năng kinh tế của từng đơn</p>	<p>Bãi bỏ, không cần thiết phải đề trong Điều lệ Công ty, tinh giảm cho phù hợp Điều lệ mẫu của Thông tư 116</p>	

<p>vị.</p> <p>4. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định.</p> <p>5. Các mối quan hệ khác tuân theo quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>		
<p>11</p> <p>Điều 14. Quyền của Công ty</p> <p>Điều 15. Nghĩa vụ của Công ty</p> <p>Điều 16. Quy định chung về cổ đông</p>	<p>Bãi bỏ. Có nhiều câu từ lặp lại ở các Điều sau này, không cần thiết phải để trong Điều lệ Công ty, tinh giảm cho phù hợp Điều lệ mẫu của Thông tư 116</p>	
<p>12</p> <p>Điều 17. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p> <p>c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>

nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 26 và Điều 38 Điều lệ này có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cử ứng cử hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị.

		Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
13	Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Sửa số điều
14	Điều 19. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Sửa số điều
15	Điều 20. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp
16	Điều 21. Các đại diện được ủy quyền	Điều 16. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa tên điều
17	Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 2 hoặc Khoản 4 Điều 19 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau: b. Gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Bãi bỏ do trùng nội dung với các điều khác trong Điều lệ này 1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: b. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; a. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; b. Lập chương trình họp và chuẩn bị các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC;

<p>gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;</p> <p>3. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty</p> <p>4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p>c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>5. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Nội dung</p>	<p>c. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được đăng trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi tới các cổ đông như quy định tại khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tài tài liệu họp và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho các cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số</p>
--	---

<p>dé xuất: bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình hợp.</p> <p>7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này;</p> <p>8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình hợp.</p>	<p>doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình hợp.</p> <p>4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày trước cuộc họp Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 3 Điều 17 Điều lệ này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>18</p> <p>Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>19</p> <p>Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi mã cổ đông tham dự, họ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC;</p>

	<p>thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội và có đóng dấu treo của Công ty. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai các vấn đề cần biểu quyết theo chương trình họp của Đại hội, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết các vấn đề trên bảng cách giờ phiếu biểu quyết của mình lên theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội đồng thời đánh dấu vào phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Ban kiểm phiếu đếm số biểu quyết tán thành, không thành, không có ý kiến của từng nội dung, tổng hợp và báo cáo kết quả cho Chủ tọa Đại hội. Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố sau hoàn thành việc kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>20</p>	<p>Điều 25. Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trừ trường hợp quyết định tại khoản 3 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành (trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản).</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	

<p>biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không thực hiện đúng như qui định.</p> <p>6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại</p>	<p>3. Các nghị quyết không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành (trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản);</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	
---	--	--

trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

9. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện

	<p>có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>		
21	<p>Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh Nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Phù hợp với Điều 141 & 143 Luật doanh nghiệp</p>
22	<p>Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông, công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nội dung phù hợp với Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 150 Luật doanh nghiệp</p>
23	<p>Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng</p>	<p>Phù hợp với Điều</p>

	<p>đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	151 Luật doanh nghiệp
24	<p>Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	Sửa số điều
25	<p>Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>d) Đối với công ty con mà Chủ sở hữu nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người điều hành khác của Công ty; không được là người có liên quan của người điều hành, người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành Công ty mẹ.</p> <p>2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p>	<p>Điều 25. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>Bãi bỏ</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p>	Phù hợp với Điều 155 Luật doanh nghiệp

26	Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm ứng cử, đề cử và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 4a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần trở lên trong thời gian liên tục 6 tháng được quyền ứng cử/đề cử người vào HĐQT theo quy định...	Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm ứng cử, đề cử và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 4a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền ứng cử/đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị theo quy định...	Phù hợp với Điều 115 Luật Doanh nghiệp
27	Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Sửa số điều
28	Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiểm Giám đốc công ty 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiểm Giám đốc công ty. 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.	Phù hợp với Điều 156 Luật doanh nghiệp
29	Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Sửa số điều
30	Điều 35. Người phụ trách quản trị Công ty	Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	Sửa số điều
31	Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý Điều 37. Cán bộ quản lý	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Điều 32. Cán bộ quản lý	Sửa số điều
32	Điều 38. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.	Điều 33. Bổ nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	Phù hợp với Điều 162 Luật doanh nghiệp
33	Điều 39. Việc ủy quyền, ủy nhiệm của Giám đốc	Điều 34. Việc ủy quyền, ủy nhiệm của Giám đốc	Sửa số điều
34	Điều 40. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc	Điều 35. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc	Sửa số điều
35	Điều 41. Thư ký Công ty	Điều 36. Thư ký Công ty	Sửa số điều
36	Điều 42. Ban kiểm soát, Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 37. Ban kiểm soát, Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Sửa số điều
37	Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện của Ban kiểm soát 1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau	Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện của Ban kiểm soát 1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	Phù hợp với Điều 169 Luật doanh nghiệp và điều kiện

	<p>dãy:</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của Công ty;</p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>thực tế Công ty</p> <p>b) Không phải người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>đ) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>2. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chiếm từ 10% đến dưới 15% được quyền đề cử 1 thành viên. - Nếu chiếm từ 15% đến dưới 30% được quyền đề cử 2 thành viên. - Nếu chiếm từ 30% đến dưới 45% được quyền đề cử 3 thành viên. - Nếu chiếm từ 45% đến dưới 60% được quyền đề cử 4 thành viên. - Nếu chiếm từ 60% trở lên được quyền đề cử 5 thành viên.
38	<p>Thay đổi số Điều từ Điều 44 – 61; Điều 62-63</p>	<p>Chuyển thành Điều 39 -56; Điều 58-59</p>
39		<p>Điều 57. Kiểm toán</p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán độc này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán</p>

		<p>độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty phải là Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm phân ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	
40	<p>Điều 63. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 63 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Container Miền Trung nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành ba (04) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b. Một (01) bản nộp cho Công ty Cổ phần</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Container Miền Trung nhất trí thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành ba (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo</p>	

	Container Việt Nam c. Hai (02) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố. c. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính Công ty.	
--	---	--	--

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2021
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Việt Trung